

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN 2

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1/ Thực hiện phép tính	Cộng, trừ, nhân, chia số nguyên	Lũy thừa, tính chất phép nhân số nguyên.		Áp dụng thứ tự thực hiện phép tính.	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	1/3 1,0 (10%)	1/3 1,0 (10%)		1/3 1,0 10%	1 3,0 30%
2/ Tìm x		Biết chuyển về đối dấu và thực hiện phép tính để tìm x	Tìm x hai phép toán		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		1/2 0,5 5%	1/2 1 10%		1 1,5 15%
3/ BC			Vận dụng BC để giải bài toán thực tế.		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %			1 2,0 20%		1 2,0 20%
4/ Thực tế tính chi phí			Vận dụng các phép tính để tính chi phí		
			1 1,0 10%		1 1,0 10%
5/ Toán thống kê	Đọc biểu đồ tranh, lập bảng thống kê	Trả lời câu hỏi liên quan bảng thống kê			
	1/2 1,0 10%	1/2 0,5 5%			1 1,5 15%
6/ Tính chu vi và diện tích các hình			Tính chu vi, diện tích		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %			1 1 10%		1 1,0 10%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ	1/3+1/2 2,0 20%	1/3+1/2+1/2 2 20%	1/2+1+1+1 5 5%	1/3 1 10%	6 10 100%

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN 2

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2021–2022
MÔN: TOÁN – LỚP 6

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

Bài 1. (3 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $12 - 5 \cdot 4$

b) $4^2 \cdot 72 + 4^2 \cdot 28$

c) $135 - [19 + (2022 - 2021)^{2020}]$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $72 + x = 25$

b) $2 \cdot x - 18 = 140$

Bài 3. (2 điểm)

Một cửa hàng bán đồ chơi có một số viên bi muốn chia đều vào các hộp. Nếu chia mỗi hộp 12 viên, hoặc 18 viên, hoặc 28 viên thì đều vừa đủ. Biết số viên bi từ 500 đến 600 viên. Tính số viên bi của cửa hàng.

Bài 4. (1 điểm)

Lớp 6A có 40 học sinh. Cứ một ngày mỗi bạn tiết kiệm được 1 500 đồng. Hỏi sau bao nhiêu ngày các bạn lớp 6A có thể mua một chiếc xe đạp tặng bạn nghèo của lớp. Biết giá tiền một chiếc xe đạp là 900 000 đồng.

Bài 5. (1,5 điểm)

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số lượng sách giáo khoa lớp 6 bán được tại một hiệu sách vào ngày chủ nhật vừa qua

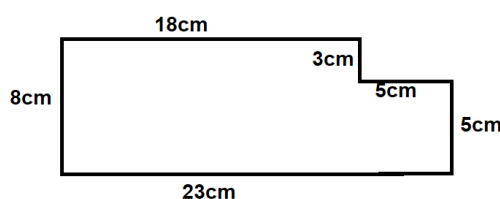
Toán	       
Ngữ văn	   
Tin học	 
Lịch sử và Địa lí	 
Khoa học tự nhiên	     

(Mỗi  ứng với 10 cuốn sách)

a) Lập bảng thống kê.

b) Trong ngày chủ nhật vừa qua, hiệu sách đã bán được bao nhiêu cuốn sách?

Bài 6. (1 điểm) Tính chu vi và diện tích của hình sau:



.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn Toán lớp 6

Bài 1. 3đ

a/ $12-5.4$

$= 12-20$ 0,5 đ

$= (-8)$ 0,5 đ

b/ $4^2 \cdot 72 + 4^2 \cdot 28$

$= 4^2 \cdot (72 + 28)$ 0,5 đ

$= 16 \cdot 100$ 0,25 đ

$= 1600$ 0,25 đ

c/ $135 - [19 + (2022 - 2021)^{2020}]$

$= 135 - [19 + 1^{2020}]$ 0,25 đ

$= 135 - [19 + 1]$ 0,25 đ

$= 135 - 20$ 0,25 đ

$= 115$ 0,25 đ

Bài 2: 1,5đ

a/ $72 + x = 25$

$x = 25 - 72$ 0,5 đ

$x = -47$ 0,25 đ

b/ $2.x - 18 = 140$

$2x = 140+18$ 0,25đ

$2x=158$ 0,25 đ

$x = 158:2$

$x=79$ 0,25 đ

Bài 3. 2đ

Số viên bi của cửa hàng là BC(12, 18, 28) 0,25 đ

$12 = 2^2 \cdot 3$ 0,25 đ

$18 = 2 \cdot 3^2$ 0,25 đ

$28=2^2.7$ 0,25 đ

$BCNN(12, 18, 28) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 7 = 252$ 0,25đx2

Suy ra $BC(12, 18, 28) = B(252) = \{0; 252 ; 504; 756;....\}$ 0,25 đ

Vì số viên bi từ 500 đến 600 viên

nên số viên bi của cửa hàng là 504 viên. 0,25 đ

Bài 4: 1đ

Mỗi ngày lớp 6A tiết kiệm được:

$1\,500.40=60\,000$ (đồng) 0,5đ

Số ngày lớp 6A tiết kiệm:

$900\,000:60\,000=15$ (ngày) 0,5đ

Bài 5 :

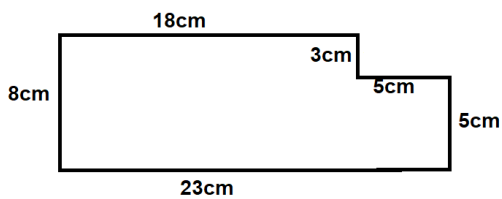
a/ Bảng thống kê 1đ – sai 2 giá trị trở lên không chấm

Loại sách	Số lượng (cuốn)
Toán	70
Ngữ văn	40
Tin học	20
Lịch sử và Địa lí	20
Khoa học tự nhiên	60

b/ Số cuốn sách cửa hàng bán được:

$$70+40+20+20+60=210 \text{ (cuốn)} \quad 0,5\text{đ}$$

Bài 6: 1đ



Chu vi của hình : $8+18+3+5+5+23=62 \text{ cm}$

0,5 đ

Diện tích của hình : $8.18+5.5=169 \text{ cm}^2$

0,5 đ

(Học sinh làm cách khác đúng chấm đủ điểm)